TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27a/2025/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- *Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:* Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Lực

- *Thư ký phiên họp*: Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên họp:* Bà Đặng Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Tẩn Phủ C, sinh năm 1949. Địa chỉ: Bản P, xã S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt, có lý do)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tẩn Yêu S, sinh ngày 03/6/1983.

Địa chỉ: Bản P, xã S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt, có lý do)

2. Chị Chẻo Mỹ D, sinh ngày 10/12/1984;

Địa chỉ: Bản P, xã S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt, có lý do)

3. Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lai Châu; địa chỉ: Xã S, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá S1 - Chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Thái B – Chức vụ: Phó chủ tịch (Vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông T Phủ Cuối trình bày:

Ông có con trai là Tẩn Yêu S, sinh ngày 03/6/1983, có đăng ký kết hôn với chị Chẻo Mỹ D, sinh ngày 10/12/1984 vào ngày 14/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã S, tỉnh Lai Châu) và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 10/2001. Khi đăng ký kết hôn, anh S đã tự ý khai sinh tháng 5/1983, chị D tự ý khai sinh ngày 27/12/1984 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng anh S chính xác sinh ngày 03/6/1983, chị D chính xác sinh ngày 10/12/1984. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh S mới được 18 tuổi 03 tháng 11 ngày, chị D mới 16 tuổi 09 tháng 04 ngày là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến nay, nhận thấy việc kết hôn giữa anh S, chị D là trái pháp luật nên ông C đề nghị Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị D.

Đồng thời ông cung cấp giấy khai sinh và căn cước công dân, giấy xác nhận nơi cư trú cho Tòa án thể hiện anh S sinh ngày 03/6/1983, chị D sinh ngày 10/12/1984

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tẩn Yêu S trình bày: Anh và chị D đăng ký kết hôn ngày 14/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã S, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở tự nguyện. Khi đăng ký kết hôn anh và chị D không xuất trình, cung cấp giấy tờ tùy thân cho cán bộ tư pháp mà khai trực tiếp bằng miệng nên việc ghi ngày tháng năm sinh của anh S là tháng 5/1983, chị D ngày 27/12/1984 trên đăng ký kết hôn là không chính xác. A S2 có ngày sinh chính xác là ngày 03/6/1983, chị D có ngày sinh chính xác là 10/12/1984 nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với chị D hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Theo đề nghị của ông Tẩn Phủ C là bố đẻ anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị D, anh nhất trí và anh đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh và chị Chẻo Mỹ D kể từ ngày hai anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn. Về con chung, anh và chị D có 02 con chung là cháu Tẩn A S3, sinh ngày 22/02/2002 và cháu Tẩn Lao U, sinh ngày 13/4/2004. Anh S2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chẻo Mỹ D trình bày: Việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh S2 như trình bày của anh S2. Khi đăng ký kết hôn chị và anh S2 không đủ độ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đó, chị và anh S2 không xuất trình, cung cấp giấy tờ tùy thân cho cán bộ tư pháp mà khai trực tiếp bằng miệng nên khai không đúng, do đó việc ghi ngày tháng năm sinh của anh S2 là tháng 5/1983, chị D ngày 27/12/1984 trên đăng ký kết hôn là không chính xác. A S2 có ngày sinh chính xác là ngày 03/6/1983, còn chị D có ngày sinh chính xác là 10/12/1984 nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chị chung sống với anh S2 hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Theo đề nghị của ông Tẩn Phủ C là bố chồng chị đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh S2, chị nhất trí. Chị đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị và anh Tẩn Yêu S kể từ

ngày hai anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn. Về con chung, chị và anh S có 02 con chung là cháu Tẩn A S3, sinh ngày 22/02/2002 và cháu Tẩn Lao U, sinh ngày 13/4/2004. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của đại diện cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (cũ), nay là UBND xã S, tỉnh Lai Châu xác định:

Việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (cũ) đều được thực hiện theo quy định. Tại sổ đăng ký kết hôn không thể hiện việc anh S và chị D cung cấp giấy tờ tùy thân khi đăng ký kết hôn. Theo các tài liệu giấy tờ tùy thân của anh S và chị D hiện nay đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001 thì tại thời điểm đăng ký kết hôn anh S, chị D không đủ tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông Tẩn Phủ C đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị D là có căn cứ nên Ủy ban nhân dân xã S nhất trí với yêu cầu của ông C và nhất trí công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D kể từ ngày hai anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn theo yêu cầu của anh S và chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 11; Điều131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Tẩn Phủ C về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diễn theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001, cấp ngày 14/9/2001 do UBND xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (cũ) cấp. Và chấp nhận yêu cầu của anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D: Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh S và chị D kể từ ngày hai anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn (04/6/2002). Anh S và chị D không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã xã S, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diển theo quy định của pháp luật; ông Tẩn Phủ C không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diển được miễn lệ phí Tòa án do là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban dân tộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu nay là xã S, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu ông Tẩn Phủ C, người có quyền lợi liên quan anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D và Ủy ban nhân dân xã S vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Anh Tẩn Yêu S, sinh ngày 03/6/1983 và chị Chẻo Mỹ D, sinh ngày 10/12/1984 đăng ký kết hôn ngày 14/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Lai Châu (nay là xã S, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T Yêu Sơn mới được 18 tuổi 03 tháng 11 ngày, chị Chẻo M Diển mới có 16 tuổi 9 tháng 04 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, anh S và chị D đã đủ tuổi kết hôn. Anh S, chị D nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Tẩn Phủ C và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của ông T Phủ Cuổi về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001, ngày 14/9/2001 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là xã K, tỉnh Lai Châu.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết

hôn trái pháp luật thì anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn. Anh S và vợ là chị D đang chung sống hạnh phúc, anh chị đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, kể từ thời điểm anh S, chị D đủ tuổi kết hôn là ngày 04/6/2002. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy yêu cầu của anh S và chị D là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Tẩn Phủ C thuộc trường hợp không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diễn được miễn lệ phí Tòa án do là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban dân tộc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 238, Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370,Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 11; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Tẩn Phủ C: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diễn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001, ngày 14/9/2001 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lai Châu).

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo Mỹ D kể từ thời điểm anh Tẩn Yêu S và chị C1 Mỹ Diễn đủ tuổi kết hôn là ngày 04/6/2002.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Lai Châu(nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu) thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diển theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí Tòa án: Ông Tẩn Phủ C thuộc trường hợp không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, anh Tẩn Yêu S và chị Chẻo M Diển được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Sìn Hồ;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Văn Lực